

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SikaCoat® Plus



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/06/17 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000028507 Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2021/06/17

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : SikaCoat® Plus

Mã sản phẩm : 100000028507

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : Sika Limited (Vietnam)
Nhon Trach 1 Industrial Zone
Dong Nai Province

Điện thoại : +84 251 3 560 700

Telefax : +84 251 3 560 699

Địa chỉ e-mail : -

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : -

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

sử dụng sản phẩm : Liquid applied membranes

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS
Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

Các yếu tố nhãn theo GHS
Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)
Được biết là chưa xảy ra.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

Thành phần
Không có thành phần nguy hiểm

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung : Không có mối nguy nào cần đến các biện pháp sơ cứu đặc biệt.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Di chuyển ra nơi có không khí trong lành.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Ngay lập tức cởi bỏ quần áo và giày bị nhiễm. Rửa sạch bằng xà bông và thật nhiều nước.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SikaCoat® Plus



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/06/17 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000028507 Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2021/06/17

- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Rửa mắt bằng nước để phòng ngừa.
Gỡ bỏ kính áp tròng.
Mở rộng mắt khi rửa.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Xúc miệng bằng nước và sau đó uống thật nhiều nước.
Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn.
Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.
- Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : không thấy dấu hiệu gây ảnh hưởng hoặc nguy hại
xem chương 11 để biết thêm thông tin chi tiết về ảnh hưởng sức khỏe & các triệu chứng
- Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Điều trị theo triệu chứng.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
- Các chất độc được sinh ra khi bị cháy : Chưa từng biết có các sản phẩm gây nổ độc hại
- Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Quy trình chuẩn dùng trong cháy nổ hóa chất
- Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Trong trường hợp hỏa hoạn, đeo các dụng cụ thở cá nhân.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.
- Các cảnh báo về môi trường : Không có yêu cầu đặc biệt nào về mặt an toàn môi trường.
- Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Lau sạch bằng các vật liệu hút nước (ví dụ như khăn, bông).
Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

- Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ : Các biện pháp thông thường nhằm ngăn ngừa hỏa hoạn.
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.
Không có yêu cầu đặc biệt nào khi sử dụng.
tuân theo các tiêu chuẩn khi xử lý các sản phẩm hóa chất
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt.
Lưu trữ theo các quy định của địa phương.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SikaCoat® Plus



| | | | |
|------------------|---|--|--|
| Phiên bản 1.0 | Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/06/17 | MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000028507 | Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2021/06/17 |
|------------------|---|--|--|

Các chất cần tránh bảo quản : Không có hạn chế đặc biệt nào về việc lưu giữ chung với các sản phẩm khác.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

- Bảo vệ hô hấp : Sử dụng thiết bị bảo vệ đường hô hấp trừ khi có hệ thống thông gió nội bộ phù hợp hoặc việc đánh giá chứng tỏ rằng sự tiếp xúc nằm trong giới hạn phơi nhiễm đề xuất.
Loại bộ lọc cho mặt nạ phải phù hợp với nồng độ ô nhiễm tối đa (khí/hơi/aerosol/hạt) có thể xuất hiện khi thao tác với sản phẩm. Nếu vượt quá nồng độ này phải dùng bộ dụng cụ thở cá nhân..
- Bảo vệ tay : sử dụng găng tay kháng hóa chất, không thấm trong suốt quá trình thao tác với các sản phẩm hóa chất
- Bảo vệ mắt : phải sử dụng kính mắt an toàn khi đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết
- Bảo vệ da và cơ thể : Chọn đồ bảo hộ theo loại, nồng độ và lượng các chất nguy hiểm theo từng nơi làm việc cụ thể.
- Các biện pháp vệ sinh : Không được ăn hoặc uống khi sử dụng.
Không hút thuốc khi sử dụng.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

- Trạng thái : thể lỏng
- Màu sắc : khác nhau
- Mùi đặc trưng : chưa có dữ liệu
- Ngưỡng mùi : chưa có dữ liệu
- Độ pH : Khoảng 9
- Điểm/khoảng nóng chảy / Điểm đông : chưa có dữ liệu
- Điểm sôi/khoảng sôi : chưa có dữ liệu
- Điểm cháy : chưa có dữ liệu
- Tỷ lệ hóa hơi : chưa có dữ liệu

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SikaCoat® Plus



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/06/17 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000028507 Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2021/06/17

| | | |
|---|---|---|
| Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí) | : | chưa có dữ liệu |
| Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy | : | chưa có dữ liệu |
| Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy | : | chưa có dữ liệu |
| Áp suất hóa hơi | : | 23 hPa |
| Tỷ trọng hơi tương đối | : | chưa có dữ liệu |
| Mật độ | : | Khoảng 1,3 g/cm ³ (Khoảng 30 °C (30 °C)) |
| Độ hòa tan | : | |
| Độ hòa tan trong nước | : | hòa tan được |
| Độ hòa tan trong các dung môi khác | : | chưa có dữ liệu |
| Hệ số phân tán: n-octanol/nước | : | chưa có dữ liệu |
| Nhiệt độ tự bốc cháy | : | chưa có dữ liệu |
| Nhiệt độ phân hủy | : | chưa có dữ liệu |
| Độ nhớt | : | |
| Độ nhớt, động lực | : | Khoảng 35.000 mPa.s (20 °C (20 °C)) |
| Độ nhớt, động học | : | > 20,5 mm ² /s (40 °C (40 °C)) |
| Đặc tính cháy nổ | : | chưa có dữ liệu |
| Đặc tính ôxy hóa | : | chưa có dữ liệu |

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

| | | |
|----------------------------|---|--|
| Khả năng phản ứng | : | Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường. |
| Tính ổn định | : | Sản phẩm này ổn định về mặt hóa học. |
| Phản ứng nguy hiểm | : | Không có mối nguy nào được nhắc đến cụ thể. |
| Các điều kiện cần tránh | : | chưa có dữ liệu |
| Vật liệu không tương thích | : | chưa có dữ liệu |

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SikaCoat® Plus



Phiên bản
1.0

Ngày tháng sửa đổi, bổ
sung gần nhất:
2021/06/17

MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN
TOÀN:
100000028507

Ngày ban hành cuối cùng: -
Ngày ban hành đầu tiên: 2021/06/17

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc cấp tính

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Ăn mòn/kích ứng da

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Kích thích hô hấp hoặc da

Nhạy cảm với da

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Nhạy cảm với hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Tác nhân gây ung thư

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Độc tính sinh sản

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

STOT - Tiếp xúc một lần

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Độc tính hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

chưa có dữ liệu

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

chưa có dữ liệu

Khả năng tích lũy sinh học

chưa có dữ liệu

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

Sản phẩm:

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SikaCoat® Plus



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/06/17 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000028507 Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2021/06/17

Các thông tin sinh thái khác : Chưa có dữ liệu cho sản phẩm này.

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Bao bì nhiễm độc : Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

IATA-DGR

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Mã IMDG

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC

Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Danh mục các tiền chất và hóa chất độc của Công ước : Không áp dụng được

Vũ khí Hóa học Quốc tế (CWC)

Danh mục hóa chất cấm : Không bị cấm hoặc bị hạn chế

Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện (Phụ lục 1 Số: 28/2010/TT-BCT). : Không bị cấm hoặc bị hạn chế

Danh mục hóa chất phải khai báo : Không bị cấm hoặc bị hạn chế

Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh : Không bị cấm hoặc bị hạn chế

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

ADR : Accord européen relatif au transport international des marchandises Dangereuses par Route

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SikaCoat® Plus



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/06/17 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 100000028507 Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2021/06/17

| | | |
|--------|---|--|
| CAS | : | Chemical Abstracts Service |
| DNEL | : | Derived no-effect level |
| EC50 | : | Half maximal effective concentration |
| GHS | : | Globally Harmonized System |
| IATA | : | International Air Transport Association |
| IMDG | : | International Maritime Code for Dangerous Goods |
| LD50 | : | Median lethal dosis (the amount of a material, given all at once, which causes the death of 50% (one half) of a group of test animals) |
| LC50 | : | Median lethal concentration (concentrations of the chemical in air that kills 50% of the test animals during the observation period) |
| MARPOL | : | International Convention for the Prevention of Pollution from Ships, 1973 as modified by the Protocol of 1978 |
| OEL | : | Occupational Exposure Limit |
| PBT | : | Persistent, bioaccumulative and toxic |
| PNEC | : | Predicted no effect concentration |
| REACH | : | Regulation (EC) No 1907/2006 of the European Parliament and of the Council of 18 December 2006 concerning the Registration, Evaluation, Authorisation and Restriction of Chemicals (REACH), establishing a European Chemicals Agency |
| SVHC | : | Substances of Very High Concern |
| vPvB | : | Very persistent and very bioaccumulative |

thông tin trong bảng dữ liệu an toàn tương ứng với kiến thức & kinh nghiệm của chúng tôi tại thời điểm công bố
VN / VI